TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2025
"V/v Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thanh Tùng.

2. Ông Huỳnh Văn Sen.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2025/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2025, về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Rô S, sinh ngày 02/8/1998.

Địa chỉ: khóm S, phường V, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn:* Anh Trần Thanh P, sinh ngày 04/12/1997.

Địa chỉ: ấp L, phường V, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2025 và đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa

sơ thẩm, nguyên đơn Thạch Thị Rô S trình bày: Chị Thạch Thị Rô S và anh Trần Thanh P tổ chức lễ cưới vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, chị S và anh P không có con chung. Thời gian đầu, cuộc chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, không hợp tính tình, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên hai người không còn sống chung từ tháng 11/2018 đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Rô S yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa chị với anh Trần Thanh P không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Chị Thạch Thị Rô S khẳng định không con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh P vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 04/9/2025 trình bày: Anh Trần Thanh P và chị Thạch Thị Rô S có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 đến nay.

- Về hôn nhân: Anh Trần Thanh P đồng ý với yêu cầu của chị Thạch Thị Rô S về quan hệ sống chung giữa chị S với anh P không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Anh Trần Thanh P khẳng định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Thanh P khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị Rô S khởi kiện, yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa chị S với anh Trần Thanh P là vợ chồng. Yêu cầu của

chị S được pháp luật điều chỉnh tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định chị S và anh P về việc chị S và anh P tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2018, trong thời gian sống chung giữa giữa chị S và anh P không có con chung là sự thật. Tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Như vậy, hôn nhân giữa chị S và anh P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa chị S và anh P là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị Thạch Thị Rô S và anh Trần Thanh P cùng khẳng định, trong thời gian sống chung không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Rô S và anh Trần Thanh P cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị Rô S phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa chị Thạch Thị Rô S và anh Trần Thanh P không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Thạch Thị Rô S và anh Trần Thanh P cùng khẳng định, trong thời gian sống chung không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Rô S và anh Trần Thanh P cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị Rô S phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002096 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ), chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

Chị Thạch Thị Rô S và anh Trần Thanh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hiếu